**ETS 1200 – PART 3 – SCRIPT & TRANS – TEST 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 41-43 refer to the following conversation.**  **(W-Am)** Hi Kyoko, it’s Ann. **41What are you doing this weekend? I thought we might go hiking on Saturday.**  **(W-Br)** Sounds like fun, Ann, but **42my sister is visiting from out of town,** and **41I’m taking her to the art museum on Saturday.**  **(W-Am)** Oh, **43I know your sister will really enjoy the art museum. I was just there last week.** The new sculpture garden is really worth seeing. | **Câu hỏi 41-43 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(W-Am)** Xin chào Kyoko, tôi là Ann. Cuối tuần này bạn định làm gì ? Tôi nghĩ chúng ta có thể dạo bộ đường dài vào thứ Bảy.  **(W-Br)** Nghe có vẻ thú vị đấy, Ann, nhưng em gái tôi từ ngoài thị trấn sẽ đến thăm tôi, và tôi định sẽ đưa nó đi bảo tàng nghệ thuật vào thứ Bảy.  **(W-Am)** Ồ, tôi nghĩ em gái của bạn sẽ rất thích bảo tàng nghệ thuật đó. Hồi tuần trước tôi đã đến đó. Khu trưng bày tượng thì rất đáng xem. |
| 41. What are the speakers mainly discussing?  (A) A recent vacation  (B) An art class  **(C) Plans for the weekend**  (D) Their work schedules  42. Who is visiting Kyoko?  **(A) Her sister**  (B) Her daughter  (C) Her mother  (D) Her aunt  43. What did Ann do last week?  **(A) She visited a museum.**  (B) She worked overtime.  (C) She saw a play.  (D) She went biking. | 41. Những người này chủ yếu đang thảo luận  về việc gì?  (A) Một kì nghỉ gần đây  (B) Một lớp học nghệ thuật  **(C) Những kế hoạch cho cuối tuần**  (D) Lịch trình làm việc của họ  42. Ai sẽ đến thăm Kyoko?  **(A) Em gái của cô ấy**  (B) Con gái của cô ấy  (C) Mẹ của cô ấy  (D) Dì của cô ấy  43. Tuần trước Ann đã làm gì?  **(A) Cô ấy đã đến tham quan bảo tàng.**  (B) Cô ấy đã làm việc ngoài giờ.  (C) Cô ấy đã xem một vở kịch.  (D) Cô ấy đã đi xe đạp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 44-46 refer to the following conversation.**  **(W-Br)** Daniel, **44can you give me a ride home after work today?** My car’s still in the shop.  **(M-Br)** Sorry, but I’m leaving work early today. **45I have a dentist’s appointment this afternoon at three.**  **(W-Br)** Oh. Well, in that case, I can take the bus. It’s only a short walk to the bus stop from here, right?  **(M-Br)** Yes, it’s not far. **46And, plus it looks like the rain has stopped and the sun is finally out.** | **Câu hỏi 44-46 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(W-Br)** Daniel, anh có thể cho tôi quá giang về nhà sau khi xong việc hôm nay không? Xe hơi của tôi vẫn đang ở tiệm.  **(M-Br)** Xin lỗi cô, nhưng hôm nay tôi sẽ xong việc sớm. Tôi có hẹn với nha sĩ chiều nay vào lúc 3 giờ.  **(W-Br)** Ồ. Trong trường hợp đó thì tôi có thể sẽ bắt xe buýt. Từ đây đi bộ ra bến xe buýt cũng gần phải không?  **(M-Br)** Đúng thế, không xa đâu. Và thêm vào đó là có vẻ như trời đã tạnh mưa và nắng đã trở lại. |
| 44.What does the woman ask for?  **(A) A ride home**  (B) A bus schedule  (C) An umbrella  (D) Advice about a car  45.Where does the man need to go at three  o’clock?  (A) To the bus stop  (B) To the train station  (C) To the auto shop  **(D) To the dentist’s office**  46.What does the man say about the  weather?  (A) It is cold.  (B) It is raining.  (C) It is windy.  **(D) It is sunny.** | 44. Người phụ nữ yêu cầu cái gì?  **(A) Đi quá giang về nhà**  (B) Lịch trình xe buýt  (C) Một cái dù  (D) Lời khuyên về xe hơi  45. Người đàn ông cần phải đến đâu vào lúc  3 giờ?  (A) Đến trạm xe buýt  (B) Đến ga tàu hoả  (C) Đến cửa hàng xe hơi  **(D) Đến văn phòng nha sĩ**  46. Người đàn ông nói gì về thời tiết?  (A) Trời lạnh.  (B) Trời đang mưa.  (C) Trời có gió.  **(D) Trời có nắng.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 47-49 refer to the following conversation.**  **(M-Br)** Hi, Ms. Higuchi. **47This is John Westfield from Trident Mobile Telephone Services.** **48We’ve noticed that you haven’t paid your bill in two months.**  **(W-Am)** Yes, I haven’t been receiving my bills. Do you have my correct address? I’ve recently moved.  **(M-Br)** **49Our database lists your mailing address as one fourteen Carson Avenue. Is that correct?**  **(W-Am)** **49No, I’ve moved. I thought I let everyone know, but I must have forgotten about mobile phone bill. Let me correct that for you.** | **Câu hỏi 47-49 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(M-Br)** Xin chào cô Higuchi. Tôi là John Westfield đến từ Dịch vụ Điện thoại Trident. Chúng tôi thấy rằng cô đã chưa thanh toán hoá đơn trong 2 tháng.  **(W-Am)** Đúng vậy, tôi đã không nhận được hoá đơn. Anh có địa chỉ chính xác của tôi không? Gần đây tôi đã chuyển đi.  **(M-Br)** Cơ sở dữ liệu của chúng tôi cho thấy địa chỉ mail của cô là 1 14 Carson Avenue. Có đúng không?  **(W-Am)** Không, tôi đã chuyển đi rồi. Tôi nghĩ là tôi đã cho tất cả mọi người biết, nhưng chắc hẳn tôi đã sót hoá đơn điện thoại. Tôi sẽ gửi địa chỉ chính xác cho anh. |
| 47.Who most likely is the man?  **(A) A mobile phone company employee**  (B) A post office employee  (C) A bank manager  (D) A computer programmer  48.Why did the man call the woman?  (A) To advertise a store opening  **(B) To ask about unpaid bills**  (C) To ask for a form  (D) To offer a special discount  49.What will the woman probably give the  man?  (A) Directions to a building  (B) An order for supplies  **(C) Her mailing address**  (D) An account number | 47. Người đàn ông là ai?  **(A) Một nhân viên của công ty điện thoại**  (B) Một nhân viên bưu điện  (C) Một người quản lý ngân hàng  (D) Một lập trình viên  48. Tại sao người đàn ông lại gọi cho người  phụ nữ?  (A) Để quảng cáo khai trương cửa hàng  **(B) Để hỏi về các hoá đơn chưa thanh**  **toán**  (C) Để yêu cầu một mẫu đơn  (D) Để cung cấp sự giảm giá đặc biệt  49. Người phụ nữ có thể sẽ cung cấp cho người  đàn ông cái gì?  (A) Chỉ đường đến một toà nhà  (B) Một đơn đặt hàng  **(C) Địa chỉ mail của cô ấy**  (D) Số tài khoản |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 50-52 refer to the following conversation.**  **(W-Br)** **50Are you interested in seeing that new play by Joan Watson at the Carter Theater?** My husband and I are planning to go.  **(M-Am)** I’ve heard the acting and the sets are wonderful, **51but I just went to the opera, and I don’t know if I can afford it right now.**  **(W-Br)** Well, **52I’m calling the theater in a few minutes to order tickets,** so I can let you know if there are any seats still available at a reasonable price.  **(M-Am)** That would be great. Then I can decide if I want to go or not. | **Câu hỏi 50-52 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(W-Br)** Anh có muốn xem vở kịch mới của Joan Watson tại Rạp hát Carter không? Tôi và chồng tôi dự định đến xem.  **(M-Am)** Tôi đã nghe nói diễn xuất và cảnh quay rất tuyệt, nhưng tôi vừa mới đến nhà hát ô-pê-ra, và tôi không biết liệu mình có đủ tiền đi xem kịch không nữa.  **(W-Br)** Tôi sẽ gọi cho rạp hát trong vài phút để đặt vé, vì vậy tôi sẽ cho anh biết nếu như còn chỗ ngồi với mức giá phải chăng.  **(M-Am)** Thế thì tuyệt quá. Sau đó tôi có thể quyết định đi hoặc không. |
| 50.What are the speakers discussing?  **(A) A play**  (B) A dance performance  (C) A film  (D) A concert  51.What is the man concerned about?  (A) The length of the show  (B) The quality of the performance  **(C) The cost of the tickets**  (D) The location of the theater  52.What will the woman probably do next?  **(A) Call to order tickets**  (B) Read a review of the show  (C) Go to the ticket office  (D) Check the schedule online | 50. Những người này đang bàn về điều gì?  **(A) Một vở kịch**  (B) Một phần trình diễn khiêu vũ  (C) Một bộ phim  (D) Một buổi hoà nhạc  51. Người đàn ông lo lắng về điều gì?  (A) Thời lượng của chương trình  (B) Chất lượng của buổi biểu diễn  **(C) Giá vé**  (D) Vị trí của rạp hát  52. Người phụ nữ sẽ làm gì tiếp theo?  **(A) Gọi để đặt vé**  (B) Đọc một nhận xét về chương trình  (C) Đi đến quầy bán vé  (D) Kiểm tra lịch chiếu trực tuyến |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 53-55 refer to the following conversation.**  **(M-Am)** Hi, Maria. **53Have you had any luck finding a place to stay during the**  **conference this weekend?**  **(W-Am)** No, **54I’ve been on the phone all morning trying to find a room, but everything in the center of Houston is booked.**  **(M-Am)** **55You know Mr. Yakamoto from the marketing department? Well, he’s**  **going too, and he said he found a hotel fifteen minutes outside the city that has plenty of space. You might want to give him a call.**  **(W-Am)** Oh, that’s great. **55I’ll call him right now and get more details.** | **Câu hỏi 53-55 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(M-Am)** Chào Maria. Cô có gặp may khi tìm một nơi để ở trong thời gian hội thảo cuối tuần này không?  **(W-Am)** Không, tôi đã gọi điện thoại cả buổi sáng để cố găng tìm một căn phòng, nhưng mọi phòng ở trung tâm Houston đã được đặt hết.  **(M-Am)** Cô biết anh Yakamoto ở bộ phận tiếp thị không? Anh ấy cũng tham dự hội nghị, và danh ấy nói đã tìm được một khách sạn ngoài thành phố và có nhiều không gian trống. Có thể cô sẽ muốn gọi cho anh ấy.  **(W-Am)** Ồ tuyệt quá. Tôi sẽ gọi cho anh ấy ngay để hỏi chi tiết. |
| 53. What will the woman do in Houston?  (A) Go sightseeing  (B) Visit a friend  **(C) Attend a conference**  (D) Meet with a client  54. What does the woman need to do?  (A) Reschedule a meeting  **(B) Reserve a hotel room**  (C) Make flight arrangements  (D) Buy a map  55. Who will the woman probably call next?  **(A) A coworker**  (B) A hotel operator  (C) A travel agent  (D) A car rental company | 53. Người phụ nữ sẽ làm gì ở Houston?  (A) Đi tham quan ngắm cảnh  (B) Thăm một người bạn  **(C) Tham dự một hội thảo**  (D) Gặp gỡ một khách hàng  54. Người phụ nữ cần phải làm gì?  (A) Sắp xếp lại một cuộc họp  **(B) Đặt trước một phòng khách sạn**  (C) Sắp xếp một chuyến bay  (D) Mua một tấm bản đồ  55. Người phụ nữ sẽ gọi ai tiếp theo?  **(A) Một đồng nghiệp**  (B) Một người điều hành khách sạn  (C) Một nhân viên du lịch  (D) Một công ty cho thuê xe hơi |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 56-58 refer to the following conversation.**  **(W-Am) 56Do you want to try lunch at the**  **new restaurant near the ice cream shop?**  **(M-Br)** Oh, I went there last week and I  wasn’t very impressed. **57There were too**  **many people and there wasn’t enough space between the tables.**  **(W-Am)** Really. That’s too bad. What do you want to do?  **(M-Br)** Well, **58let’s order sandwiches and**  **take them to the park since it’s a beautiful**  **day to sit outside.** | **Câu hỏi 56-58 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(W-Am)** Anh có muốn ăn thử tại nhà hàng mới gần tiệm kem không?  **(M-Br)** Ồ, tuần trước tôi đã đến đó và tôi không có ấn tượng lắm. Đã có quá nhiều người và không có đủ chỗ ngồi.  **(W-Am)** Thật sao. Điều đó thật tồi tệ. Giờ anh muốn làm gì?  **(M-Br)** Chúng ta hãy gọi sandwich và mang ra ngoài công viên vì hôm nay là một ngày đẹp trời để ra ngoài. |
| 56. Where does the woman suggest going?  **(A) To a restaurant**  (B) To a coffee shop  (C) To an ice cream shop  (D) To a company cafeteria  57. What does the man say about the dining  area?  (A) It is expensive.  **(B) It is crowded.**  (C) The food is bad.  (D) The service is low.  58. What will they probably do next?  (A) Eat at a sandwich shop  (B) Buy some ice cream  (C) Return to the office  **(D) Go to a park** | 56. Người phụ nữ đề nghị đi đâu?  **(A) Đến một nhà hàng**  (B) Đến một tiệm cà phê  (C) Đến một tiệm kem  (D) Đến một quán ăn tự phục vụ  57. Người đàn ông nói gì về khu vực ăn uống?  (A) Chỗ đó có giá đắt đỏ  **(B) Chỗ đó đông đúc**  (C) Đồ ăn ở đó dở  (D) Dịch vụ kém  58. Họ sẽ làm gì tiếp theo?  (A) Ăn tại một tiệm sandwich  (B) Mua một ít kem  (C) Trở về văn phòng  **(D) Đến công viên** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 59-61 refer to the following conversation.**  **(M-Br)** Hello, **60I’m calling about an advertisement in Friday’s newspaper for a two-bedroom house on Jasmin Street.** Is it still available?  **(W-Am)** I’m sorry, **59we rented that house a couple of days ago. However, we have a very similar one nearby that’s vacant.**  **(M-Br)** Great. Could I visit it sometime tomorrow?  **(W-Am)** Let me check. Yes, **61I can show it to you at two o’clock. Does that work for you?** | **Câu hỏi 59-61 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(M-Br)** Xin chào, tôi gọi điện để nói về một quảng cáo trên tờ báo ngày thứ Sáu về một căn nhà có 2 phòng ngủ trên phố Jasmin. Nó vẫn còn khả dụng chứ?  **(W-Am)** Tôi rất tiếc, một vài ngày trước chúng tôi đã cho thuê ngôi nhà đó. Tuy nhiên, chúng tôi còn một căn nhà tương tự gần đó và vẫn còn trống.  **(M-Br)** Tuyệt quá. Tôi có thể đến xem nhà vào ngày mai không?  **(W-Am)** Để tôi kiểm tra xem. Được, tôi có thể cho bạn xem nhà vào 2 giờ. Lúc đó có được không? |
| 59. Where most likely does the woman work?  (A) At an employment agency  (B) At a travel agency  **(C) At a property rental agency**  (D) At an advertising agency  60. Where did the man read the advertisement?  (A) On a bulletin board  (B) On a Web site  (C) In a brochure  **(D) In a newspaper**  61. What time does the woman suggest the  speakers meet?  (A) At 12:00 noon  **(B) At 2:00 P.M.**  (C) At 4:00 P.M.  (D) At 6:00 P.M. | 59. Người phụ nữ rất có thể làm việc ở đâu?  (A) Tại một đại lí tuyển dụng  (B) Tại một đại lí du lịch  **(C) Tại một đại lí cho thuê nhà đất**  (D) Tại một đại lí quảng cáo  60. Người đàn ông đã đọc quảng cáo ở đâu?  (A) Trên bảng thông báo  (B) Trên một trang web  (C) Trên một tờ quảng cáo  **(D) Trên một báo**  61. Người phụ nữ đề nghị gặp mặt lúc mấy  giờ?  (A) Lúc 12:00 giữa trưa  **(B) Lúc 2 giờ chiều**  (C) Lúc 4 giờ chiều  (D) Lúc 6 giờ chiều |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 62-64 refer to the following conversation.**  **(M-Am)** Hi, Lillian. **62I just stopped by to see if you had time to discuss the sales**  **report.**  **(W-Br)** Sure. But before we talk about that, I want to tell you that I’ve checked the budget, and we can actually afford to hire extra help. **63Do you still need a part-time** **secretary in your department?**  **(M-Am)** Yes, we do. Sandy will be delighted. She’s been overwhelmed for the past month.  **(W-Br)** Good, that’s settled then. **64Could you call the newspaper today and place an**  **ad?** | **Câu hỏi 62-64 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(M-Am)** Xin chào, Lillian. Tôi vừa mới ghé qua để xem thử cô có thời gian để thảo luận về báo cáo bán hàng không.  **(W-Br)** Chắc chắn rồi. Nhưng trước khi chúng ta nói về chuyện đó, tôi muốn nói với anh rằng tôi đã kiểm tra ngân sách, và thực ra chúng ta có thể thuê thêm sự trợ giúp. Anh vẫn cần một thư kí bán thời gian tại bộ phận của mình chứ?  **(M-Am)** Đúng vậy. Sandy sẽ hài lòng. Cô ấy đã ngập với công việc cả tháng nay.  **(W-Br)** Tốt, điều đó sẽ được cải thiện. Anh có thể vui lòng gọi cho tờ báo hôm nay và đăng quảng cáo không? |
| 62. Why did the man go to the woman’s  office?  **(A) To discuss a report**  (B) To ask for help  (C) To schedule a meeting  (D) To request vacation time  63. What does the man’s department need?  (A) Office supplies  **(B) Another worker**  (C) More office space  (D) New computers  64. What will the man probably do later  today?  (A) Finalize the budget  **(B) Place an advertisement**  (C) Conduct an interview  (D) Cancel a subscription | 62. Tại sao người đàn ông lại đến văn phòng  của người phụ nữ?  **(A) Để thảo luận về một báo cáo**  (B) Để yêu cầu giúp đỡ  (C) Để sắp xếp một cuộc họp  (D) Để yêu cầu thời gian đi nghỉ  63. Văn phòng của người đàn ông cần gì?  (A) Đồ dung văn phòng  **(B) Một nhân viên khác**  (C) Nhiều không gian văn phòng hơn  (D) Các máy tính mới  64. Người đàn ông có thể sẽ làm gì vào cuối  ngày?  (A) Chốt ngân sách  **(B) Đăng quảng cáo**  (C) Tiến hành một cuộc phỏng vấn  (D) Huỷ đăng kí báo |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 65-67 refer to the following conversation.**  **(M-Br)** **65Is that today’s newspaper, Isabella? There’s an advertisement in there about a photography contest.**  **(W-Am)** I haven’t seen it yet. What page is  it on?  **(M-Br)** I don’t know, but it’s in the Features section. **66I was thinking you should enter that great picture you took of the buildings in New York last summer.**  **(W-Am)** You know, that’s a good idea. Come to think of it, **67I also have some pretty good photos from my trip to London last month.** | **Câu hỏi 65-67 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(M-Br)** Đó có phải là tờ báo hôm nay không, Isabella? Trên đó có một bài quảng cáo về cuộc thi nhiếp ảnh.  **(W-Am)** Tôi vẫn chưa thấy nó. Nó nằm trên trang mấy vậy?  **(M-Br)** Tôi không biết nữa, nhưng nó nằm trong phần Đặc trưng. Tôi đã nghĩ rằng cô nên gửi bức ảnh mà bạn đã chụp các toà nhà ở New York năm ngoái.  **(W-Am)** Anh biết đấy, đó là một ý tưởng hay. Khi nghĩ về nó, tôi cũng có một số bức ảnh khá đẹp từ chuyến đi đến Luân Đôn tháng trước. |
| 65. What are the speakers discussing?  (A) A book review  (B) A magazine article  **(C) A newspaper advertisement**  (D) A travel brochure  66. What does the man recommend that  Isabella do?  (A) Take pictures of parks  (B) Visit a building  **(C) Enter a contest**  (D) Paint a portrait  67. Where did Isabella go last month?  **(A) London**  (B) Paris  (C) New York  (D) Rome | 65. Những người này đang bàn về điều gì?  (A) Một sự đánh giá sách  (B) Một bài báo tạp chí  **(C) Một quảng cáo trên báo**  (D) Một sách quảng cáo du lịch  66. Người đàn ông khuyên Isabella làm gì?  (A) Chụp ảnh các công viên  (B) Tham quan một toà nhà  **(C) Tham gia một cuộc thi**  (D) Vẽ một bức chân dung  67. Isabella đã đi đâu tháng trước?  **(A) Luân Đôn**  (B) Paris  (C) New York  (D) Rome |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 68-70 refer to the following conversation.**  **(W-Am)** **68I’m doing a presentation on Wednesday for a potential client** – a big  construction company.  **(M-Am)** So that’s what you’ve been working so hard on this morning. What are you going to talk about?  **(W-Am)** Well, they asked me to speak about solutions to structural problems in older buildings.I have a lot of papers I’m going to hand out, and **69I still need to** **make copies.**  **(M-Am)** I’ve got some time. **70Why don’t I take care of that for you after lunch?** | **Câu hỏi 68-70 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **(W-Am)** Thứ Tư này tôi sẽ có một bài thuyết trình cho một khách hàng tiềm năng – là một công ty xây dựng.  **(M-Am)** Thì ra đó là lí do mà cô làm việc chăm chỉ cả sáng nay. Cô dự định nói về vấn đề gì?  **(W-Am)** Họ đã yêu cầu tôi nói về các giải pháp cho các vấn đề kết cấu trong các toà nhà cũ. Tôi có nhiều giấy tờ mà tôi định phát ra, và tôi vẫn cần phải tạo ra các bản sao.  **(M-Am)** Tôi có một ít thời gian rảnh. Tôi có thể giúp cô làm việc đó sau bữa trưa được không? |
| 68. What does the woman plan to do on  Wednesday?  (A) Buy a present  (B) Write a report  **(C) Give a talk**  (D) Inspect a building  69. What does the woman say she needs?  **(A) Copies of some documents**  (B) Sales figures for a client  (C) The address of a construction  company  (D) The local newspaper  70. When will the man help the woman?  (A) This morning  **(B) This afternoon**  (C) Tomorrow morning  (D) Tomorrow afternoon | 68. Người phụ nữ dự định làm gì vào thứ Tư?  (A) Mua một món quà  (B) Viết một bài báo cáo  **(C) Trình bày một bài nói**  (D) Kiểm tra một toà nhà  69. Người phụ nữ nói cô ấy cần gì?  **(A) Các bản sao của một số tài liệu**  (B) Chỉ số bán hàng cho một khách hàng  (C) Địa chỉ của một công ty xây dựng  (D) Tờ báo địa phương  70. Khi nào thì người đàn ông sẽ giúp người  phụ nữ?  (A) Sáng nay  **(B) Chiều nay**  (C) Sáng mai  (D) Chiều mai |